

Bản án số: 60/2024/HS - PT.

Ngày: 23 - 4 - 2024.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

**Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Gia Lương.

*Các thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Nhiên.

Ông Nguyễn Hải Vinh.

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Hoan - Thư ký  
Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

*Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:* Ông Hoàng T - Kiểm  
sát viên.

Ngày 23/4/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 346/2023/TLPT-HS ngày 22/12/2023, đối với bị cáo Dương Khắc K cùng đồng phạm, do có kháng cáo của bị cáo Dương Khắc K, Lương Văn N, Nguyễn Văn H, Dương Khắc Q và Nguyễn Đình S đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 201/2023/HS-ST ngày 14/11/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang;

**\* Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Họ và tên: Dương Khắc K, sinh năm 1998; Tên gọi khác: Không;

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang;

Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không;  
Đảng viên đã bị kỷ luật bằng hình thức “Khai trừ” theo quyết định số 157-QĐ-UBKTHU ngày 03/10/2023 của Ủy ban kiểm tra huyện ủy L3; Nghề nghiệp: công nhân; Trình độ văn hóa: 12/12;

Con ông Dương Khắc T1, sinh năm 1976;

Con bà Lương Thị T2, sinh năm 1979;

A, chị em ruột: có 3, bị cáo là thứ nhất.

Vợ: Hồ Thị Thanh L, sinh năm 2004;

Con: có 02 con: Lớn sinh năm 2021, nhỏ sinh năm 2024;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại (Có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: Lương Văn N, sinh năm 1992; Tên gọi khác: Không;

Nơi cư trú: **Thôn C, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang**;  
Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không;  
Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/12;  
Con ông **Lương Văn K1**, sinh năm 1970;  
Con bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1969;  
**A**, chị em ruột: có 3, bị cáo là thứ nhất;  
Vợ, con: Chưa có;  
Tiền án, tiền sự: Không;  
Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại  
(Có mặt tại phiên tòa).

3. Họ và tên: **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1996; Tên gọi khác: Không;  
Nơi cư trú: **Thôn C, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang**;  
Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không;  
Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12;  
Con ông **Nguyễn Văn T3**, sinh năm 1970;  
Con bà: **Lương Thị Y**, sinh năm 1974;  
**A**, chị em ruột: có 2, bị cáo là thứ hai;  
Vợ, con: Chưa có;  
Tiền án, tiền sự: Không;  
Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại  
(Có mặt tại phiên tòa).

\***Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H: Bà Nguyễn Thị Như Q1** -  
Trợ giúp viên thuộc **Trung tâm pháp lý nhà nước tỉnh B** ( Có đơn đề nghị xét xử  
vắng mặt).

4. Họ và tên: **Dương Khắc Q**, sinh năm 2002; Tên gọi khác: Không;  
Nơi cư trú: **Thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang**;  
Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không;  
Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12;  
Con ông **Dương Khắc T1**, sinh năm 1976;  
Con bà **Lương Thị T2**, sinh năm 1979;  
**A**, chị em ruột: có 3, bị cáo là thứ hai;  
Vợ: **Nguyễn Thị H1**, sinh năm 2002;  
Con: Có 01 con sinh năm 2021;  
Tiền án, tiền sự: Không;  
Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại  
(Có mặt tại phiên tòa).

5. Họ và tên: **Nguyễn Đình S**, sinh năm 1997; Tên gọi khác: Không;  
Nơi cư trú: **Thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang**;



Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không;  
Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 9/12;

Con ông Nguyễn Đình B, sinh năm 1970;

Con bà Đỗ Thị H2, sinh năm 1974;

Anh, chị em ruột: có 2, bị cáo là thứ hai;

Vợ: Nguyễn Thị N1, sinh năm: 1999

Con: Có 01 con sinh năm 2019;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại  
(Có mặt tại phiên tòa).

**\* Bị hại không kháng cáo nhưng liên quan đến kháng cáo của các bị cáo:**

Anh Nguyễn Duy M, sinh năm 1994 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn A, xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Trong vụ án còn có 05 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên cấp phúc thẩm không triệu tập.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Dương Khắc K, sinh năm 1998, trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang có vợ là Hồ Thị Thanh L sinh năm 2004 làm công nhân của công ty TNHH Đ, địa chỉ tại xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Anh Nguyễn Duy M, sinh năm 1994, trú tại thôn A, xã Y, huyện L là công nhân công ty TNHH Đ V.

Ngày 05/5/2023, Dương Khắc K xem điện thoại di động của chị Hồ Thị Thanh L thì phát hiện thấy có nhiều cuộc gọi zalo đến tài khoản có tên “Duy M”. Khoẻ vào ứng dụng zalo của chị L tìm thông tin cá nhân tài khoản này nhưng chị L để chế độ ẩn và cài mật khẩu, mục tin nhắn zalo thì đều đã bị xoá. Khoẻ nghi ngờ chị L có quan hệ tình cảm với người có tài khoản zalo này. Do vậy, K đã hỏi chị Nguyễn Thị Tuyết M1, sinh năm 2002 ở thôn P, thị trấn P, huyện L (là em họ K và cùng làm tại công ty với chị L) thì chị M1 nói có anh Nguyễn Duy M làm cùng công ty và thường xuyên nói chuyện, trêu đùa chị L. Khoẻ nói chuyện thì chị L khẳng định không có quan hệ tình cảm với anh M.

Ngày 24/5/2023, K đổi máy điện thoại với chị L và kiểm tra ứng dụng M2 viettel thì thấy chị L nhắn tin đến số điện thoại lạ mà K nghi ngờ là của anh M. Khoẻ sử dụng số điện thoại của chị L gọi vào số điện thoại trên thì anh M nghe máy. Khoẻ nói chuyện với anh M về mối quan hệ giữa anh M và chị L nhưng anh M không thừa nhận sau đó tắt điện thoại. Khoảng 20 giờ cùng ngày, K đang ở nhà

cùng với em trai là Dương Khắc Q, sinh năm 2002 thì có Nguyễn Đình S, sinh năm 1997 ở cùng thôn; Nguyễn Văn H, sinh năm 1996 và Lương Văn N, sinh năm 1992 cùng ở thôn C, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang đi đánh bóng chuyền về và đến nhà K chơi. Khoẻ nói chuyện với mọi người về việc nghi ngờ chị L và anh M có quan hệ tình cảm với nhau. Khoẻ mượn điện thoại của H gọi cho anh M nói chuyện được một lúc thì anh M tắt máy. Khoẻ tiếp tục điện thoại, nhắn tin cho anh M yêu cầu nói chuyện nhưng anh M không nghe máy. Khoẻ rủ Q, S, H, N cùng đi đến công ty Đ V gặp anh M để nói chuyện thì mọi người đồng ý. Khoẻ có nhắn tin cho chị L và chị M1 biết việc Khoẻ đến công ty TNHH Đ V để gặp anh M nói chuyện và bảo chị L, chị M1 chờ ở cổng công ty. K gọi điện cho anh Nguyễn Công T4, sinh năm 1998 ở cùng thôn là lái xe taxi nhờ đưa đến công ty Đ. Anh T4 đồng ý rồi điều khiển xe ô tô biển số 98A-500.68 đến đón. Trên đường đi, K, Q, H, N, S ngồi trên xe ô tô nói chuyện và thống nhất với nhau là để K nói chuyện với anh M, nếu anh M có thái độ và xảy ra xô xát thì sẽ cùng nhau đánh.

Khi anh T4 lái xe đưa mọi người đến khu vực trước công ty TNHH Đ V thì dừng lại. Khoẻ xuống xe đi bộ đến chỗ chị M1 và chị L đang đứng chờ. Khoẻ nhờ chị M1 vào trong công ty gọi anh M ra cổng để nói chuyện. Chị M1 từ chối nhưng K tiếp tục nhờ nên chị M1 đi vào trong công ty thì thấy anh M đang đi từ trên tầng 2 xuống. Chị M1 vẫy tay ra hiệu cho anh M đi ra ngoài cổng. N ngồi trong xe nói với S, Q, H nếu K và M có xô sát thì N sẽ tát cảnh cáo rồi xuống xe đi đến gần phòng bảo vệ công ty chờ. Sáng, Q, H thấy vậy cũng xuống xe và đứng đợi. Một lúc sau, chị M1 và anh M đi ra phía cổng. Khoẻ vẫy tay ra hiệu cho anh M đi đến vị trí K đang đứng. Khi anh M đi ra gặp K để nói chuyện thì N cầm 2 chiếc dép chạy đến đánh nhưng anh M tránh được nên không trúng. N lao vào ôm và giằng co với anh M. Khoẻ cũng lao vào đánh. Anh M bỏ chạy vào phía trong công ty thì K và N đuổi theo. Lúc này, S, H và Q nhìn thấy nên chạy đuổi theo anh M để đánh. Anh M chạy được khoảng 10 mét thì K đuổi kịp và dùng tay trái túm áo phía sau, tay phải đâm liên tiếp hai phát trúng vào đầu và mặt. N dùng tay đâm hai cái trúng vào mặt và lưng của anh M. H dùng tay tát anh M hai cái vào mặt và dùng chân đá một cái vào người. Q dùng hai tay đâm khoảng ba, bốn cái vào đầu và dùng chân đạp hai cái vào người anh M. Sáng dùng chân đá một cái vào lưng anh M. Bị nhóm của K đánh, anh M sợ không dám chống cự lại mà dùng hai tay ôm đầu và bị đánh ngã xuống nền sân bê tông. Khi anh M đã bị ngã, nhóm của K tiếp tục dùng chân đạp nhiều cái vào người anh M. Thấy vậy, ông Hoàng Văn C1 là bảo vệ công ty TNHH Đ V đến can ngăn và dọa báo Công an thì mọi người không đánh anh M nữa rồi ra về.

Anh M bị thương được đưa đến Bệnh viện đa khoa tỉnh B điều trị. Ngày 25/5/2023, anh M có đơn trình báo và đề nghị xử lý theo pháp luật đối với các đối tượng có hành vi gây thương tích.



Cơ quan điều tra khám nghiệm hiện trường và thu giữ 03 đoạn video được trích xuất từ camera an ninh ở công ty TNHH Đ và 01 đoạn video ghi lại từ điện thoại di động quay lại những đoạn vi deo này.

### Về thương tích của anh Nguyễn Duy M:

Bệnh án ngoại khoa số 612 ngày 30/5/2023 và Giấy chứng nhận thương tích ngày 29/6/2023 của Bệnh viện đa khoa tỉnh B xác nhận: Nguyễn Duy M vào viện hồi 23 giờ 01 phút ngày 24/5/2023, ra viện hồi 08 giờ ngày 30/5/2023. Tình trạng thương tích khi vào viện: Đau đầu, buồn nôn, chảy máu qua mũi trái; Xây sát, sưng nề vùng trán, sưng nề gò má trái; Vết thương vành tai trái kích thước 1,5cm; Mắt trái mi sưng nề, tụ máu dưới da mi, kết mạc cương tụ, xuất huyết, gai thị phù nhẹ; CT: Hình ảnh vỡ thành xoang hàm trái, gãy các mảnh sàng bên trái, tụ dịch trong xoang hàm- xoang sàng trái, tụ dịch- khí vùng hậu nhãn cầu trái.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 1443 ngày 01/6/2023 của Trung tâm Pháp y Bệnh viện đa khoa tỉnh B kết luận:

#### 1. Các kết quả chính:

- Thương tích vết chọt xước da giữa trán: 6%.
- Thương tích vết bầm tím trán phải: 0,5%.
- Thương tích vết sưng nề bầm tím hố mắt trái: 0,5%.
- Thương tích vết bầm tím hố mắt phải: 0,5%.
- Thương tích vết thương đóng vảy khô vành tai trái: 1%.
- Thương tích vết bầm tím sau tai trái: 0,5%.
- Thương tích vết bầm tím phía trên sát chân vành tai phải: 0,5%.
- Thương tích vết bầm tím vùng lưng trái: 0,5%.
- Thương tích đám biến đổi sắc tố da mặt sau ngoài 1/3 trên cằm tay phải: 1%.
- Thương tích vết chọt da gối trái: 2%.
- Thương tích gãy phức tạp xoang sàng và xoang hàm trái;
- CT-Scanner hiện tại: Hình ảnh vỡ thành xoang hàm trái; Gãy các mảnh sàng bên trái; Tụ dịch trong xoang hàm-xoang sàng trái; Tụ khí vùng hậu nhãn cầu trái, dày các cơ vận nhãn kèm thâm nhiễm lớp mỡ vùng hậu nhãn cầu: 9%.

2. Kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Nguyễn Duy M tại thời điểm giám định là 20% (Hai mươi phần trăm).

#### 3. Kết luận khác:

- Cơ chế gây thương tích: Các vết thương do vật tày gây nên.
- Lực tác động gây thương tích:
  - + Các thương tích: Vết chọt xước da giữa trán, vết bầm tím trán phải, vết sưng nề bầm tím hố mắt trái, vết bầm tím hố mắt phải, vết thương đóng vảy khô vành tai trái, vết bầm tím sau tai trái, vết bầm tím phía trên sát chân vành tai phải,

vết bầm tím vùng lưng trái, đám biến đổi sắc tố da mặt sau ngoài 1/3 trên cẳng tay phải, vết chột da gò trái lực tác động không mạnh.

+ Thương tích gãy phức tạp xoang sàng và xoang hàm trái lực tác động mạnh.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định video thu giữ tại công **Công ty TNHH Đ**. Bản kết luận giám định số 1231/KL-KTHS ngày 05/7/2023 của **Phòng K2 - Công an tỉnh B** kết luận:

1. Không phát hiện dấu vết cắt ghép nội dung hình ảnh trong 03 file video có được lưu trữ trong đĩa DVD gửi giám định.

+ File video có tên “ch18\_20230524210421.mp4”; dung lượng: 1,4MB; thời lượng: 00 phút 28 giây;

+ File video có tên “ch18\_20230524210501.mp4”; dung lượng: 1,03MB; thời lượng: 00 phút 23 giây;

+ File video có tên “ch18\_20230524210525.mp4”; dung lượng: 1,95MB; thời lượng: 00 phút 26 giây;

2. Trích xuất được 08 hình ảnh thể hiện diễn biến của sự việc có trong các file video lưu trữ trong đĩa DVD-R gửi giám định

3. Không tiến hành giám định nội dung hình ảnh trong các file video có tên “5747985091103376585.mp4” gửi giám định có bị cắt ghép, chỉnh sửa hay không; không trích xuất hình ảnh, do nội dung hình ảnh được ghi lại qua màn hình của một thiết bị khác.

Ngày 20/6/2023, Cơ quan điều tra đã cho **Dương Khắc K**, **Dương Khắc Q**, **Nguyễn Đình S**, **Lương Văn N** và **Nguyễn Văn H** thực nghiệm điều tra về hành vi đánh anh **M** tại hiện trường khu vực trước công **công ty TNHH Đ**. Kết quả các bị cáo thực hiện thuần thực các tư thế, động tác đánh anh **M** như đã khai.

Cơ quan điều tra tiến hành kiểm tra điện thoại di động của Khỏe thấy tại mục messenger còn lưu các tin nhắn giữa Khỏe với chị **L**; giữa **K** với anh **M** có nội dung liên quan đến vụ việc.

Bản cáo trạng số 190/CT-VKS ngày 04 tháng 10 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang đã truy tố các bị cáo Dương Khắc Khỏe, Dương Khắc Quảng, **Lương Văn N**, **Nguyễn Văn H**, **Nguyễn Đình S** về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 điều 134 của Bộ luật hình sự 2015 (thuộc trường hợp “có tính chất côn đồ” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 134 BLHS).

Bản án hình sự sơ thẩm số: 201/2023/HS-ST ngày 14/11/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Căn cứ điểm đ khoản 2 điều 134; Điểm b, s khoản 1 và khoản 2 điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự 2015:

- Xử phạt bị cáo **Dương Khắc K** 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.



- Xử phạt bị cáo **Dương Khắc Q** 01 (một) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Xử phạt bị cáo **Lương Văn N** 01 (một) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn H** 01 (một) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đình S** 01 (một) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

Cùng ngày 17/11/2023, các bị cáo **Dương Khắc K**, **Dương Khắc Q**, **Lương Văn N**, **Nguyễn Văn H** và **Nguyễn Đình S** đều kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung đề nghị không áp dụng tình tiết “có tính chất côn đồ” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 134 BLHS để xét xử đối với các bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 điều 134 của Bộ luật hình sự 2015; đề nghị cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên toà phúc thẩm các bị cáo **Dương Khắc K**, **Dương Khắc Q**, **Lương Văn N**, **Nguyễn Văn H** và **Nguyễn Đình S** giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đối với kháng cáo của các bị cáo đề nghị không áp dụng tình tiết phạm tội “có tính chất côn đồ” nhưng các bị cáo không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Đối với kháng cáo của các bị cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo, bị cáo **Dương Khắc K** trình bày: Bị cáo có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự sau đó xuất ngũ, quá trình tại ngũ được tặng danh hiệu chiến sỹ tiên tiến. Quá trình công tác tại địa phương được Đảng bộ và **UBND xã Đ, huyện L** tặng Giấy khen; bị cáo có ông ngoại là thương binh chống Mỹ loại A thương tật 41%, bệnh binh mất sức 61%; bị cáo đã nộp tiền án phí hình sự như bản án tuyên. Bị cáo **Dương Khắc Q** trình bày: Bị cáo có ông ngoại là thương binh chống Mỹ loại A thương tật 41%, bệnh binh mất sức 61%; bị cáo đã nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm như bản án tuyên. Bị cáo **Lương Văn N** trình bày: Bị cáo có chú ruột **Lương Trịnh T5** là thương binh chống Mỹ loại A thương tật 41%, bệnh binh mất sức 61%. Bác ruột là **Lương Thị T6** là Chi Hội trưởng chi hội phụ nữ **thôn C, xã L, huyện L** trong các năm từ 2020 đến năm 2022 được **Ban chấp hành Đảng bộ huyện L**; Hội bảo vệ quyền trẻ em **huyện L**; Ban chấp hành Đảng bộ **xã L, huyện L**; Chủ tịch **UBND xã L** tặng Giấy khen; bị cáo đã nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm như bản án tuyên. Bị cáo **Nguyễn Văn H** trình bày: Bị cáo có ông ngoại là **Lương Trịnh T5** là thương binh chống Mỹ loại A thương tật 41%, bệnh binh mất sức 61%; Gia đình bị cáo là hộ cận nghèo, bố mẹ thường xuyên ốm đau mất khả năng lao động, bị cáo là lao động chính trong gia đình. Bị cáo **Nguyễn Đình S** trình bày: Bị cáo có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự 02 năm sau đó xuất ngũ, có ông

**N2** được thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba, Kỷ niệm chương quân tình nguyện Việt Nam giúp Lào, huy hiệu 50 năm tuổi Đảng; Cậu ruột được Chủ tịch nước tặng Huy chương chiến sỹ vẻ vang hạng Ba, Đảng bộ phường V, thành phố B tặng Giấy khen năm 2022; Cụ nội là Liệt sỹ hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc năm 1945, được tổ quốc ghi công; bị cáo đã nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm như bản án tuyên.

Bị hại anh **Nguyễn Duy M** có mặt trình bày: Sau khi anh bị các bị cáo gây thương tích, anh xác định anh cũng có một phần lỗi, các bị cáo đã bồi thường thương tích cho anh, anh không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo cải tạo tại địa phương hoặc miễn hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đưa ra đề nghị xem xét các vấn đề kháng cáo mà bị cáo nêu ra đã kết luận và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo đề nghị không áp dụng tình tiết phạm tội “có tính chất côn đồ” của các bị cáo **Dương Khắc K**, **Dương Khắc Q**, **Lương Văn N**, **Nguyễn Văn H** và **Nguyễn Đình S**;

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo, chấp nhận một phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo **Dương Khắc K**, sửa phần hình phạt của bản án sơ thẩm; xử phạt bị cáo **Dương Khắc K** 01 (một) năm 01 (một) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, chấp nhận một phần kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo **Dương Khắc Q**, **Lương Văn N**, **Nguyễn Văn H** và **Nguyễn Đình S**; sửa phần hình phạt của bản án sơ thẩm; xử phạt bị cáo **Dương Khắc Q**, **Lương Văn N**, **Nguyễn Văn H** và **Nguyễn Đình S** mỗi bị cáo 01 (một) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao các bị cáo cho UBND nơi các bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Về án phí: Do kháng cáo của các bị cáo **Dương Khắc K**, **Dương Khắc Q**, **Lương Văn N** và **Nguyễn Đình S** được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo **Nguyễn Văn H** thuộc diện hộ cận nghèo nên được miễn nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo **Dương Khắc K**, **Dương Khắc Q**, **Lương Văn N**, **Nguyễn Văn H** và **Nguyễn Đình S** không tự bào chữa, tranh luận gì.



Trợ giúp viên pháp lý bà Nguyễn Thị Như Q1 bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và gửi kèm Bản Luận cứ. Hội đồng xét xử công bố bản Luận cứ của Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo H. Trợ giúp viên đề nghị không áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất côn đồ đối với bị cáo H vì bị cáo đi cùng bị cáo K xuống tìm anh M là do hiểu lầm vợ bị cáo K có quan hệ tình cảm với anh M, mục đích xuống để nói chuyện, nhưng do hai bên lời qua, tiếng lại đã sảy ra xô sát, lúc này H đứng ở ngoài trong điều kiện buổi tối ánh sáng hạn chế nghĩ rằng người đi cùng mình bị anh M đánh nên mới vào đám đá cùng mấy cái bênh vực chứ không có ý thức thể hiện tính chất côn đồ. Tòa sơ thẩm áp dụng tình tiết phạm tội “có tính chất côn đồ” đối với bị cáo là quá nặng không có lợi cho bị cáo, ảnh hưởng lớn đến việc quyết định hình phạt cho bị cáo. Bị cáo H có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng, tại cấp phúc thẩm, bị hại tiếp tục có đơn xin rút yêu cầu khởi tố đối với các bị cáo, bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới đó là có ông ngoại là Lương Trịnh T5 là thương binh chống Mỹ, quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, gia đình bị cáo là hộ cận nghèo, bố mẹ thường xuyên ốm đau mất khả năng lao động, mẹ bị cáo là người khuyết tật nặng được hưởng trợ cấp hàng tháng, bị cáo là lao động chính trong gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo xử phạt bị cáo H từ 10 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Bị cáo Nguyễn Văn H nhất trí với Luận cứ bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý không tranh luận gì thêm.

Đôi đáp của đại diện VKS: Không có ý kiến tranh luận đối đáp gì.

Bị cáo Dương Khắc K và Nguyễn Đình S nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo Dương Khắc Q, Lương Văn N và Nguyễn Văn H không có ý kiến gì.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo Dương Khắc K, Dương Khắc Q, Lương Văn N, Nguyễn Văn H và Nguyễn Đình S đã được làm trong thời hạn kháng cáo theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp. HĐXX chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của các bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo Dương Khắc K, Dương Khắc Q, Lương Văn N, Nguyễn Văn H và Nguyễn Đình S thì thấy: Do nghi ngờ vợ là Hồ Thị Thanh L có quan hệ tình cảm với anh Nguyễn Duy M, sinh năm 1994 cùng làm việc tại công ty TNHH Đ, Dương Khắc K đã gọi điện, nhắn tin với anh M để



hỏi rõ sự việc, nhưng anh M không thừa nhận. Khoảng hơn 20 giờ ngày 24/5/2023 K đã nói với Nguyễn Văn H, Lương Văn N, Dương Khắc Q, Nguyễn Đình S về việc nghi ngờ trên và đã rủ H, N, S, Q đến công ty TNHH Đ V tìm gặp anh M để nói chuyện. Sau đó K đã thuê xe ô tô cùng mọi người đi đến công ty của chị L, anh M làm việc, trên đường đi có thống nhất với nhau nếu anh M có thái độ và xảy ra xô sát thì cùng nhau đánh anh M. Khi đến công ty TNHH Đ, K đã nhờ chị M1 đi gọi anh M ra gặp. Khi anh M ra đến khu vực cổng công ty thì ngay lập tức N cầm dép lao vào tát anh M nhưng không trúng, tiếp đó K lao vào đấm đá anh M và H, S, N, Q cũng lao vào đấm, đá anh M nhiều nhất liên tiếp vào vùng đầu, mặt, bụng và tay chân anh M. Hậu quả anh M bị thương tích 20%.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo Dương Khắc K, Dương Khắc Q, Lương Văn N, Nguyễn Văn H và Nguyễn Đình S đề nghị không áp dụng tình tiết phạm tội “có tính chất côn đồ” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 134 BLHS để xét xử đối với các bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 điều 134 của Bộ luật hình sự 2015. Hội đồng xét xử thấy: Chỉ vì mâu thuẫn do hiểu lầm vợ bị cáo Dương Khắc K có quan hệ tình cảm với anh Nguyễn Duy M, khi bị cáo K, Q, N, H và S gặp anh M, hai bên lời qua tiếng lại, các bị cáo đã dùng chân, tay đấm, đá anh M, hậu quả anh M bị tổn hại 20% sức khỏe. Giữa các bị cáo với anh M trước đó không có mâu thuẫn gì và cũng không quen biết nhau. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội ngay trước cổng Công ty TNHH Đ là nơi công cộng có nhiều người qua lại, tương quan lực lượng hai bên không tương xứng. Do vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo đề nghị không áp dụng tình tiết phạm tội “có tính chất côn đồ” được. Như vậy, hành vi của các bị cáo Dương Khắc K, Dương Khắc Q, Lương Văn N, Nguyễn Văn H và Nguyễn Đình S đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (thuộc trường hợp “Có tính chất côn đồ” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 134 BLHS). Từ những nội dung trên án sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích”, là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[4] Đối với kháng cáo của các bị cáo Dương Khắc K, Dương Khắc Q, Lương Văn N, Nguyễn Văn H và Nguyễn Đình S đề nghị giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo. Hội đồng xét xử thấy:

Về tình tiết tăng nặng: Án sơ thẩm xác định các bị cáo Dương Khắc K, Dương Khắc Q, Lương Văn N, Nguyễn Văn H và Nguyễn Đình S không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; là có căn cứ.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Án sơ thẩm xác định trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo Dương Khắc K, Dương Khắc Q, Lương Văn N, Nguyễn Văn H và Nguyễn Đình S thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã



cùng nhau bồi thường cho người bị hại, được người bị có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt cho các bị cáo. Ngoài ra, bị cáo **K** và **S** đã tham gia nghĩa vụ quân sự, bị cáo **K** được tặng nhiều giấy khen trong quá trình công tác. Do vậy, các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; là có căn cứ.

Hành vi của các bị cáo **Dương Khắc K**, **Dương Khắc Q**, **Lương Văn N**, **Nguyễn Văn H** và **Nguyễn Đình S** là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân, thể hiện sự coi thường pháp luật của Nhà nước. Do vậy, hành vi của các bị cáo cần phải nghiêm trị bằng pháp luật hình sự, cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra để răn đe và phòng ngừa chung. Án sơ thẩm xử phạt bị cáo **Dương Khắc K** 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù; các bị cáo **Dương Khắc Q**, **Lương Văn N**, **Nguyễn Văn H** và **Nguyễn Đình S** mỗi bị cáo 01 (Một) năm tù, là tương xứng với hành vi phạm tội đối với các bị cáo.

[5] Tại quá trình xét xử phúc thẩm, các bị cáo **Dương Khắc K** xuất trình các tình tiết mới đó là bị cáo có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự sau đó xuất ngũ, quá trình tại ngũ được tặng danh hiệu chiến sỹ tiên tiến, quá trình hoạt động công tác tại địa phương được Đảng bộ **xã Đ, huyện L** tặng 02 Giấy khen năm 2020 và năm 2021; **UBND xã Đ, huyện L** tặng 01 Giấy khen năm 2021; bị cáo có ông ngoại là **Lương Trịnh T5** là thương binh chống Mỹ loại A thương tật 41%, bệnh binh mất sức 61%; bị cáo đã nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm như bản án tuyên. Bị cáo **Dương Khắc Q** xuất trình các tình tiết mới đó là bị cáo có ông ngoại là **Lương Trịnh T5** là thương binh chống Mỹ loại A thương tật 41%, bệnh binh mất sức 61%; bị cáo đã nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm như bản án tuyên. Bị cáo **Lương Văn N** xuất trình các tình tiết mới đó là bị cáo có chú ruột **Lương Trịnh T5** là thương binh chống Mỹ loại A thương tật 41%, bệnh binh mất sức 61%. Bác ruột là **Lương Thị T6** là Chi Hội trưởng chi hội phụ nữ **thôn C, xã L, huyện L** trong các năm từ 2020 đến năm 2022 được **Ban chấp hành Đảng bộ huyện L**; Hội bảo vệ quyền trẻ em **huyện L**; Ban chấp hành Đảng bộ **xã L, huyện L**; Chủ tịch **UBND xã L** tặng Giấy khen; bị cáo đã nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm như bản án tuyên. Bị cáo **Nguyễn Văn H** xuất trình các tình tiết mới đó là bị cáo có ông ngoại là **Lương Trịnh T5** là thương binh chống Mỹ loại A thương tật 41%, bệnh binh mất sức 61%; Gia đình bị cáo là hộ cận nghèo, bố mẹ thường xuyên ốm đau mất khả năng lao động, bị cáo là lao động chính trong gia đình. Bị cáo **Nguyễn Đình S** xuất trình các tình tiết mới đó là bị cáo có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự 02 năm sau đó xuất ngũ, có ông **N2** là **Đỗ Văn L1** được thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba, Kỷ niệm chương quân tình nguyện Việt Nam giúp Lào, huy hiệu 50 năm tuổi Đảng; Cậu ruột **Đỗ Văn T7** được Chủ tịch nước tặng Huy chương chiến sỹ vẻ vang hạng Ba,



được đảng bộ phường V, thành phố B tặng Giấy khen năm 2022; cụ nội là ông Nguyễn Đình L2 là Liệt sỹ hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc năm 1945, được tổ quốc ghi công; bị cáo đã nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm như bản án tuyên. Trước khi xét xử phúc thẩm, anh Nguyễn Duy M là người bị hại có đơn xin rút yêu cầu khởi tố đối với 05 bị cáo; tại phiên tòa phúc thẩm anh M tiếp tục đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo. Hội đồng xét xử thấy, đây là các tình mới phát sinh tại cấp phúc thẩm chưa được áp dụng cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét kháng cáo của bị cáo Dương Khắc K xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo thì thấy: Trong vụ án này, nguyên nhân dẫn đến sự việc là do bị cáo K, chỉ vì ghen tuông không có căn cứ, đã rủ các bị cáo H, S, N, Q đi gặp anh M để cùng giải quyết sự việc. Khi N có hành vi cầm dép tát anh M, K không can ngăn đã lao vào đánh anh M ngay và thực hiện hành vi tích cực trong quá trình đánh, gây thương tích cho anh M nên bị cáo có vai trò chính trong vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo; tại cấp phúc thẩm bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên chấp nhận một phần kháng cáo giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt như đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

Xét kháng cáo của các bị cáo Dương Khắc Q, Lương Văn N, Nguyễn Văn H và Nguyễn Đình S xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo thì thấy: Trong vụ án này, các bị cáo bị rủ rê lôi kéo; mặc dù các bị cáo phạm tội có tính chất côn đồ xong xét thấy, vai trò của các bị cáo là thứ yếu không đáng kể trong vụ án. Người bị hại là anh Nguyễn Duy M cũng có lỗi đối với bị cáo K đó là anh M và chị Hồ Thị Thanh L là vợ bị cáo K làm cùng phân xưởng, quá trình làm việc có nói chuyện, trêu đùa nhau và nhắn tin, điện thoại cho nhau. Các bị cáo trong vụ án này đều có quan hệ là anh em ruột của nhau và là họ hàng trong nội tộc. Các bị cáo đều là thanh niên mới lớn lên, nhận thức pháp luật hạn chế, phạm tội lần đầu, không có tổ chức. Hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo không đáng kể đã khắc phục bồi thường đầy đủ cho người bị hại. Tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm anh Nguyễn Duy M là người bị hại có mặt đều đề nghị giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo. Xét thấy, án sơ thẩm xử phạt các bị cáo Dương Khắc Q, Lương Văn N, Nguyễn Văn H và Nguyễn Đình S mỗi bị cáo 01 (Một) năm tù, là tương xứng với hành vi phạm tội đối với các bị cáo; nên không có căn cứ chấp nhận đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo. Đối với kháng cáo xin được hưởng án treo Hội đồng xét xử thấy, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, các bị cáo đều có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, xét thấy không cần thiết phải bắt các bị cáo phải cách ly khỏi xã hội, mà giao các bị cáo cho chính



quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát giáo dục như đề nghị của đại diện của Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của các bị cáo **Dương Khắc K**, **Dương Khắc Q**, **Lương Văn N** và **Nguyễn Đình S** được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Bị cáo **Nguyễn Văn H** thuộc diện hộ cận nghèo nên được miễn nộp án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

[7] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo đề nghị không áp dụng tình tiết tăng nặng định khung tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 điều 134 của Bộ luật hình sự 2015 (thuộc trường hợp “có tính chất côn đồ” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 134 BLHS) đối với các bị cáo **Dương Khắc K**, **Dương Khắc Q**, **Lương Văn N**, **Nguyễn Văn H** và **Nguyễn Đình S**;

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo; chấp nhận một phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo **Dương Khắc K**; sửa hình phạt của bản án sơ thẩm.

Căn cứ điểm đ khoản 2 điều 134; Điểm b, s khoản 1 và khoản 2 điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự 2015:

- Xử phạt bị cáo **Dương Khắc K** 01 (một) năm 01 (Một) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; chấp nhận một phần kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo **Dương Khắc Q**, **Lương Văn N**, **Nguyễn Văn H** và **Nguyễn Đình S**; sửa hình phạt của bản án sơ thẩm.

Căn cứ điểm đ khoản 2 điều 134; Điểm b, s khoản 1 và khoản 2 điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự 2015:

- Xử phạt bị cáo **Dương Khắc Q** 01 (một) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” nhưng cho hưởng án treo, phải chịu thời gian thử thách là 02 (Hai) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đình S** 01 (một) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” nhưng cho hưởng án treo, phải chịu thời gian thử thách là 02 (Hai) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao các bị cáo **Dương Khắc Q** và **Nguyễn Đình S** cho Ủy ban nhân dân xã **Đ**, huyện **L**, tỉnh **Bắc Giang** giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

- Xử phạt bị cáo **Lương Văn N** 01 (một) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” nhưng cho hưởng án treo, phải chịu thời gian thử thách là 02 (Hai) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn H** 01 (một) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” nhưng cho hưởng án treo, phải chịu thời gian thử thách là 02 (Hai) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao các bị cáo **Lương Văn N** **Nguyễn Văn H** và cho Ủy ban nhân dân xã **L**, huyện **L**, tỉnh **Bắc Giang** giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể Quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015.

#### 4. Về án phí:

- Các bị cáo **Dương Khắc K**, **Dương Khắc Q**, **Lương Văn N** và **Nguyễn Đình S** không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

- Miễn nộp tiền án phí hình sự phúc thẩm cho bị cáo **Nguyễn Văn H**.

- Xác nhận bị cáo **Dương Khắc K** đã nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm tại biên lai thu tiền số 0001061 ngày 05/2/2024; bị cáo **Dương Khắc Q** đã nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm tại biên lai thu tiền số 0001063 ngày 05/2/2024; bị cáo **Lương Văn N** đã nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm tại biên lai thu tiền số 0001062 ngày 05/2/2024; bị cáo **Nguyễn Đình S** đã nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm tại biên lai thu tiền số 0001064 ngày 05/2/2024 đều tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

5. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.



Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- CA-VKS-TA-CCTHADS sơ thẩm;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, HCTP;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Gia Lương**